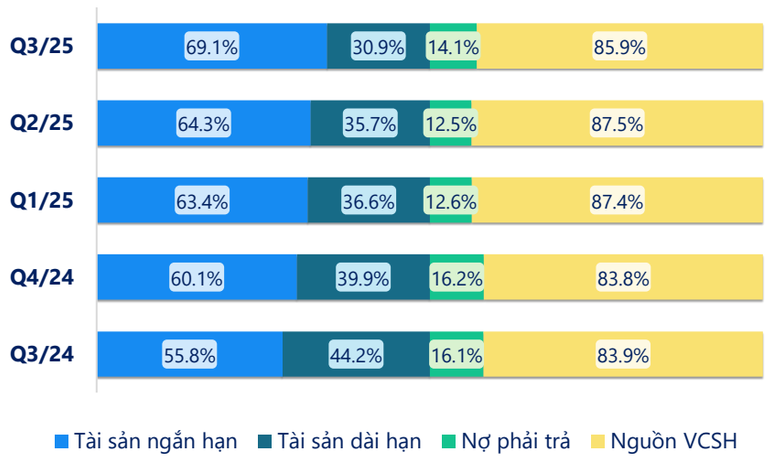
FireAnt

CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	56,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,558
SL cổ phiếu LH	82,224,959
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,250
% sở hữu nước ngoài	21.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,605
P/E	10.7
EPS	5,256

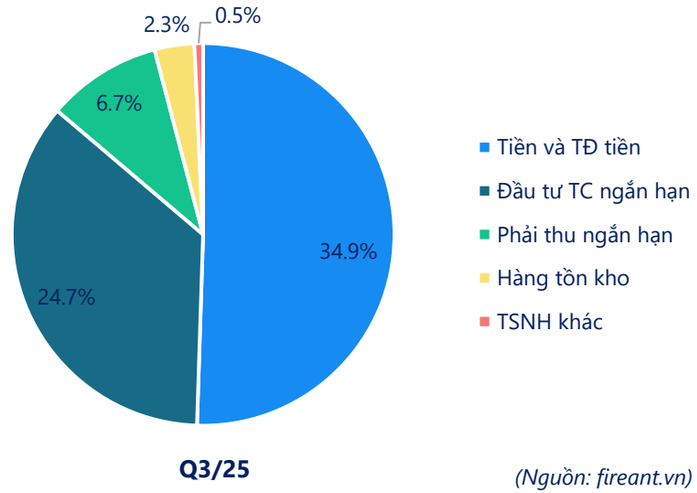
	YTD	1T	3T	6T
VGR	25.0%	-3.4%	15.2%	10.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



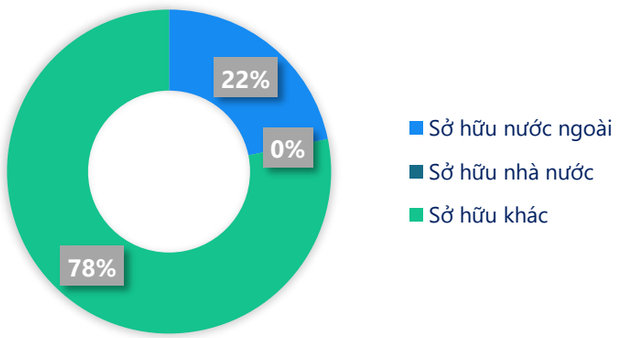
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



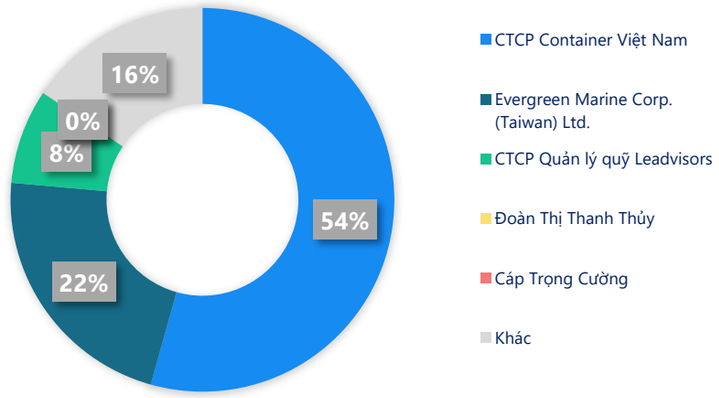
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



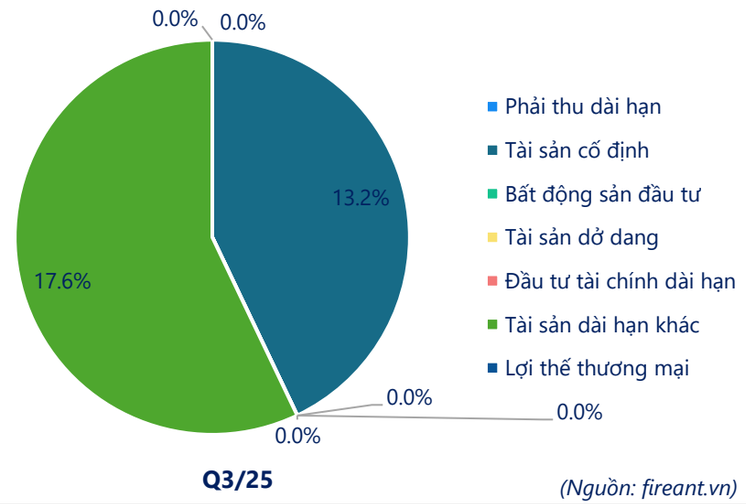
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

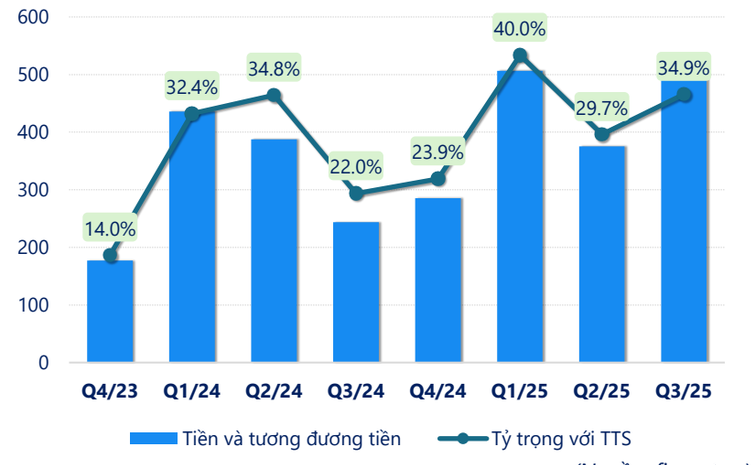


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

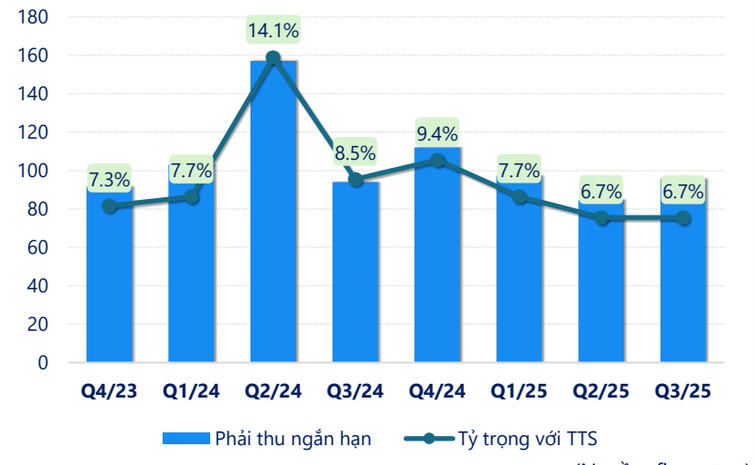
CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Tiền và tương đương tiền



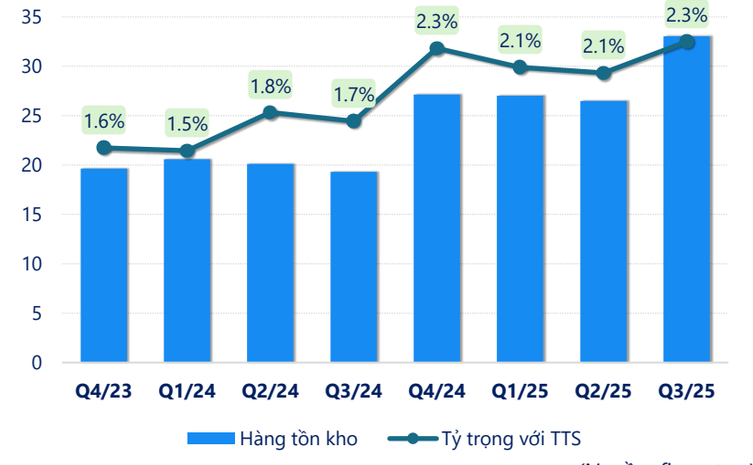
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



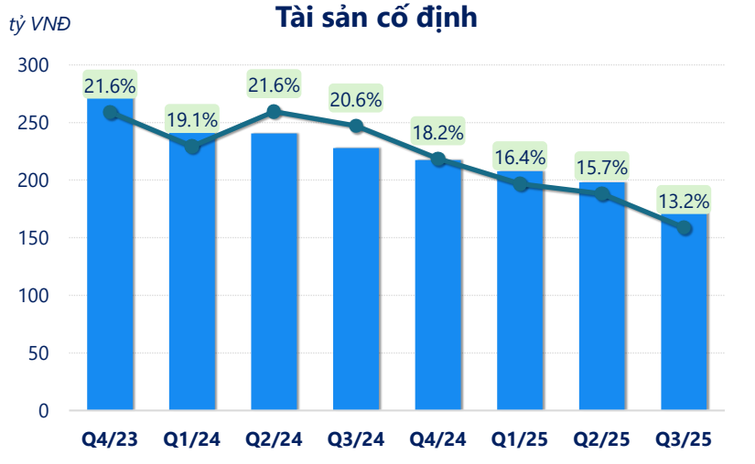
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



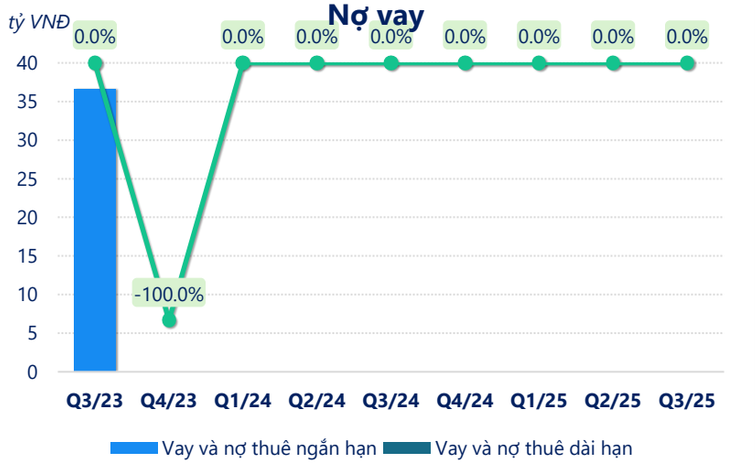
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



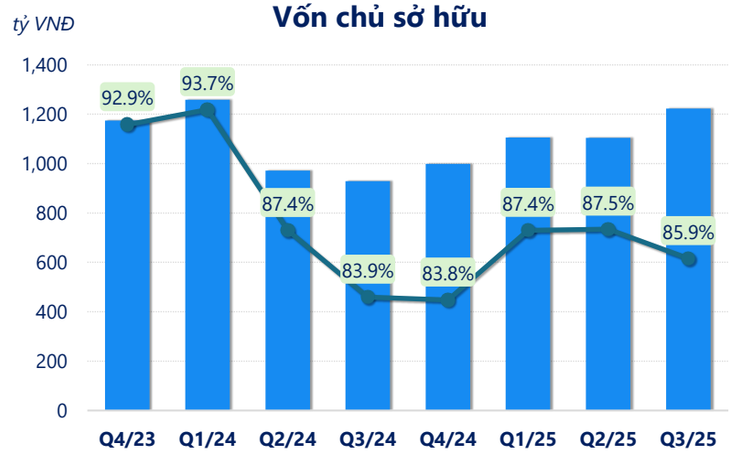
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

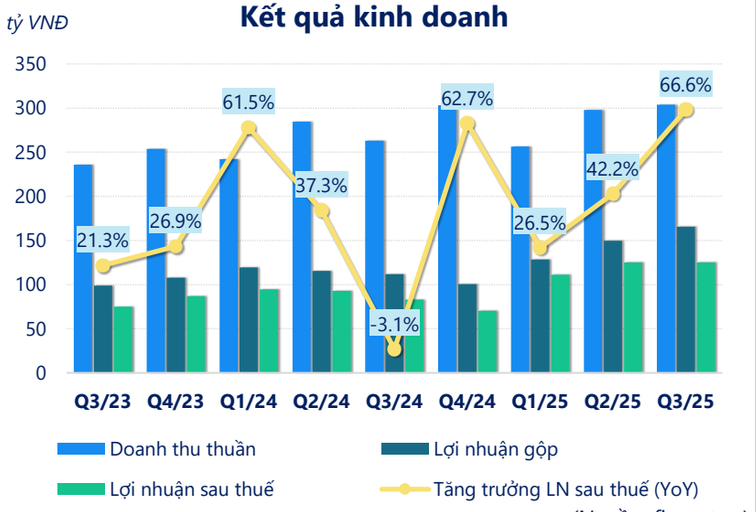


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

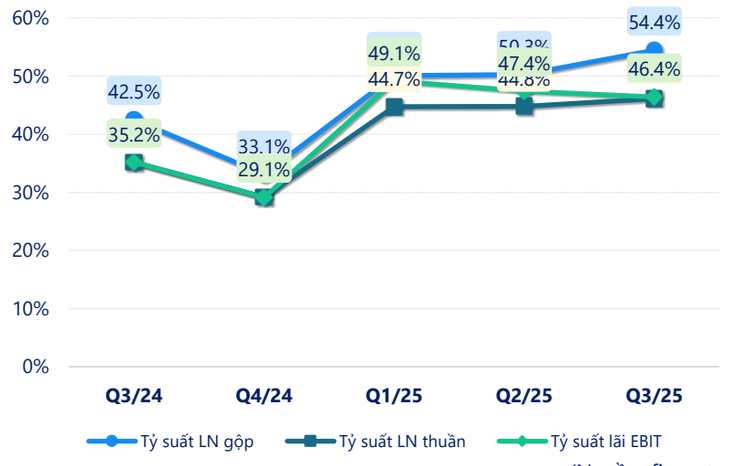
CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

Kết quả kinh doanh



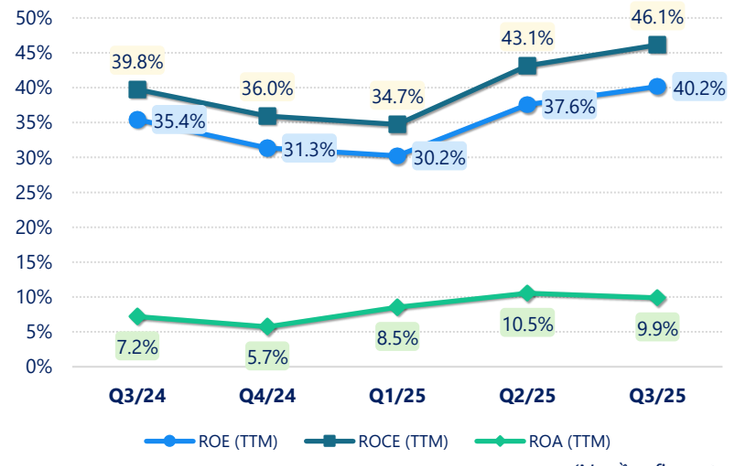
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



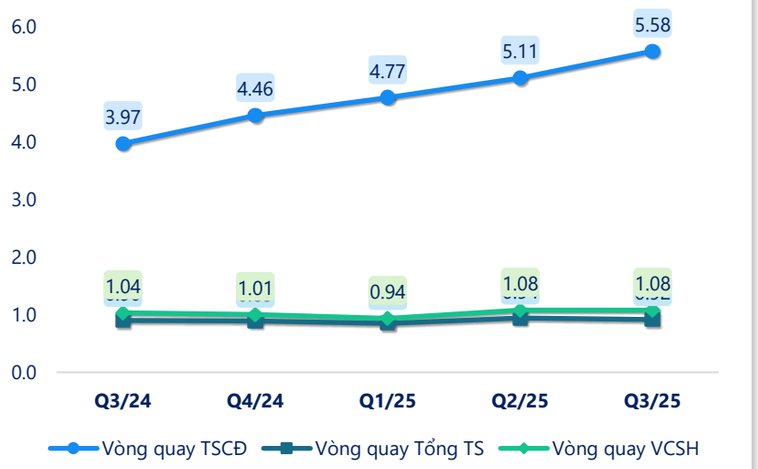
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



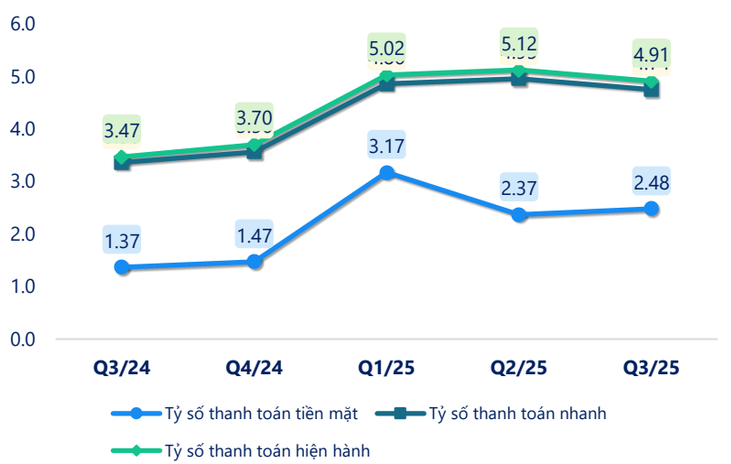
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



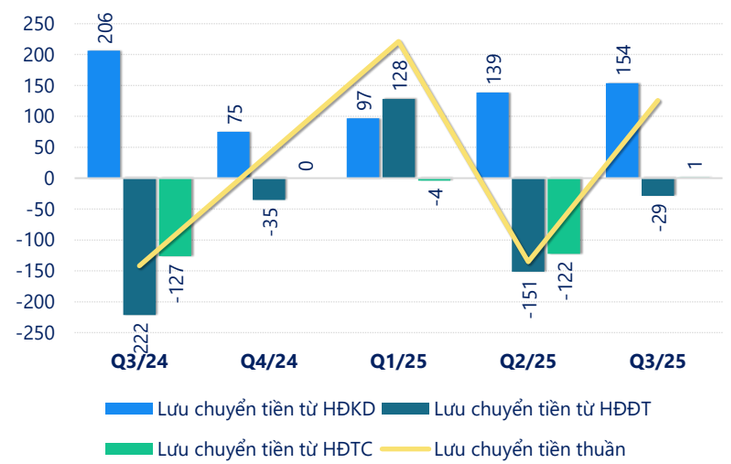
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Cảng Xanh VIP (UPCOM: VGR)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,424**	**1,193**	**19.4%**
Tài sản ngắn hạn	984	717	37.3%
Tiền và tương đương tiền	497	285	74.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	351	283	24.2%
Phải thu ngắn hạn	95.6	112	-14.6%
Hàng tồn kho	33.0	27.1	21.8%
Tài sản ngắn hạn khác	7.22	9.57	-24.5%
Tài sản dài hạn	**439**	**476**	**-7.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	189	217	-13.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**251**	**259**	**-3.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	201	194	3.5%
Nợ ngắn hạn	**201**	**194**	**3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	48.2	71.5	-32.6%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,223**	**999**	**22.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,223**	**999**	**22.4%**
Vốn điều lệ	822	633	30.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	263	303	256	298	304
Giá vốn hàng bán	151	203	128	148	138
Lợi nhuận gộp	112	100	128	150	165
Doanh thu HĐTC	3.98	4.50	5.31	9.31	7.02
Chi phí TC	0.54	0.05	0.11	0.12	0.04
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.6	15.9	12.1	18.7	24.6
Chi phí QLDN	11.1	0.49	6.83	6.79	7.68
LN thuần từ HĐKD	92.6	88.4	115	133	140
Lợi nhuận khác	-0.05	-0.13	11.3	7.79	0.85
LN trước thuế	92.5	88.3	126	141	141
Lợi nhuận sau thuế	83.1	70.5	111	125	125
LNST của CĐ cty mẹ	83.1	70.5	111	125	125

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	206	75.0	97.0	139	154
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-222	-35.3	128	-151	-28.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-127	0	-4.06	-122	1.00
Tiền đầu kỳ	387	243	285	507	375
Lưu chuyển tiền thuần	**-142**	**39.7**	**221**	**-135**	**126**
Ảnh hưởng tỷ giá	-2.05	2.13	0	3.91	-3.91
Tiền cuối kỳ	243	285	507	375	497

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic